TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 6 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.
Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Kiên Thị L, sinh năm 1994;
Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh T.
Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1992.
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Bà Kiên Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Trần Văn K vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Kiên Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn K chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B. Thời gian đầu bà và ông K chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 6 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn được mặc dù hai bên

gia đình có khuyên nhủ, hòa giải. Bà và ông K ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn K có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 21/11/2015 hiện cháu N đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Trần Văn K vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiên Thị L đối với bị đơn ông Trần Văn K. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông K. Ghi nhận bà L và ông K có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 21/11/2015. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà L đối với ông K. Giao cháu Trần Thị Bảo N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn K đều vắng mặt dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập ông K tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do; Về phía bà Kiên Thị L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn K và bà Kiên Thị L.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn K và bà Kiên Thị L chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B. Vì vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Theo lời trình bày của bà L cho rằng, thời gian đầu bà và ông K chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 6 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn

được mặc dù hai bên gia đình có khuyên nhủ, hòa giải. Bà và ông K ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Xét thấy, giữa ông Trần Văn K và bà Kiên Thị L có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa ông K và bà L không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho ông K các phiên hòa giải, mục đích động viên cho ông và bà L đoàn tụ sống lại với nhau nhưng ông K không chấp hành, xem như ông K đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với bà L. Mặt khác, bà L kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông K. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông K và bà L không đảm bảo nguyên tắc này. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông K và bà L không đảm bảo nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông K.

Về con chung: Ông Trần Văn K và bà Kiên Thị L có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 21/11/2015 hiện cháu N đang được bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu N đang sống chung với bà L và được bà L chăm sóc tốt, mặt khác đối với cháu N có nguyện vọng được sống chung với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy do ông K không đến Toà án để giải quyết nên không thể lấy ý kiến của ông K về việc nuôi con và cấp cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Toà án dành quyền nuôi con cho bà L là phù hợp. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Kiên Thị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Kiên Thị L đối với ông Trần Văn K.

Bà Kiên Thị L được ly hôn với ông Trần Văn K.

[3] Về con chung: Ghi nhận bà Kiên Thị L và ông Trần Văn K có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 21/11/2015 hiện cháu N đang được bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà L đối với ông K. Giao cháu Trần Thị

bảo N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Kiên Thị L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Kiên Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0007300 ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tâm